**Số: 5923602**

| | NEW PEUGEOT 2008 GT | Mazda CX-5 2.0L Premium Sport |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **899.000.000đ** | **849.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 4300 x 1785 x 1580 | 4590 x 1845 x 1680 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2605 | 2700 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5400 | 5500 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 185 | 200 |
| Khối lượng không tải (kg) | 1225 | 1550 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 1730 | 2000 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 434 | 442 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 44 | 56 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | SX-LR trong nước |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM | Common Modular Plaform | |
| Loại động cơ | 1.2L Turbo Puretech | 2.0L Skyactive - G |
| Dung tích xi lanh (cc) | 1199 | 1998 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 133 @ 4000 – 6000 | 154 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 230 @ 1750 – 3500 | 200 / 4000 |
| Hộp số | 6AT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | Độc lập Mc Pherson | Độc lập Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Thanh xoắn | Liên kết đa điểm |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 215/55 R18 | 225/55 R19 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 9,1 | 8.6 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5,7 | 6.1 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 7,0 | 7 |
| Chế độ lái | Eco/Normal/Sport/Manual | Normal / Sport |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED Projector | LED |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | ● |
| Đèn ban ngày LED | ● (Dạng móng vuốt sư tử) | ● |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | Sấy gương |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | ● | ● |
| Trang bị khác | Cốp đóng - mở điện | |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● (D-Cut trên dưới) | ● |
| Chất liệu ghế | Bọc da Alcantara | Da |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ● | |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | ● (Vô lăng) |

| | | |
|---|---|---|
| Hàng ghế trước có tính năng massage | ● | |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 10-inch hiệu ứng 3D | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm | 10-inch | 8’’ |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | Apple Carplay/MirrorLink | ● (Không dây) |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 1 | 2 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | ● | ● |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 6 loa | 10 loa Bose |
| Sạc không dây Qi | ● | |
| Phanh đỗ điện tử | ● | ● |
| Đèn trang trí nội thất | ● | - |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| Trang bị khác | Gương chiếu hậu chống chói tự động tràn viền | |

**AN TOÀN:**

| | | |
|---|---|---|
| Số túi khí | 6 | 6 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước & Sau | Trước & Sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động | ● | ● (Trước và sau) |
| Hệ thống điều khiển hành trình | ● | MRCC Stop & Go |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | ● |
| Camera lùi | ● (Giả lập 360 độ) | ● (Camera 360) |